

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Sách Việt Nam

Ngày 15/01/2024	8,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.3%	4.7%	-

DT thuần
Q4/23

9.03
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.67 | 8.0%
YoY: ▼ 0.48 | -5.1%

LN thuần
Q4/23

22.7
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.20 | 1.0%
YoY: ▲ 8.00 | 54.5%

LN sau thuế
Q4/23

18.2
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30 | 1.6%
YoY: ▲ 6.40 | 54.2%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

252%

YoY: +/- ▲ 103%

ROE
2023

6.9%

YoY: +/- ▲ 2.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	604
Số lượng CPLH (CP)	67,894,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,880
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	1.66
EPS	1,013
P/E	8.8

DT thuần
2023

34.2
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.50 | 1.5%

LN thuần
2023

86.0
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.1 | 72.3%

LN sau thuế
2023

68.8
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.8 | 72.0%

Cơ cấu cổ đông

0.0%
0.0%
0.0%

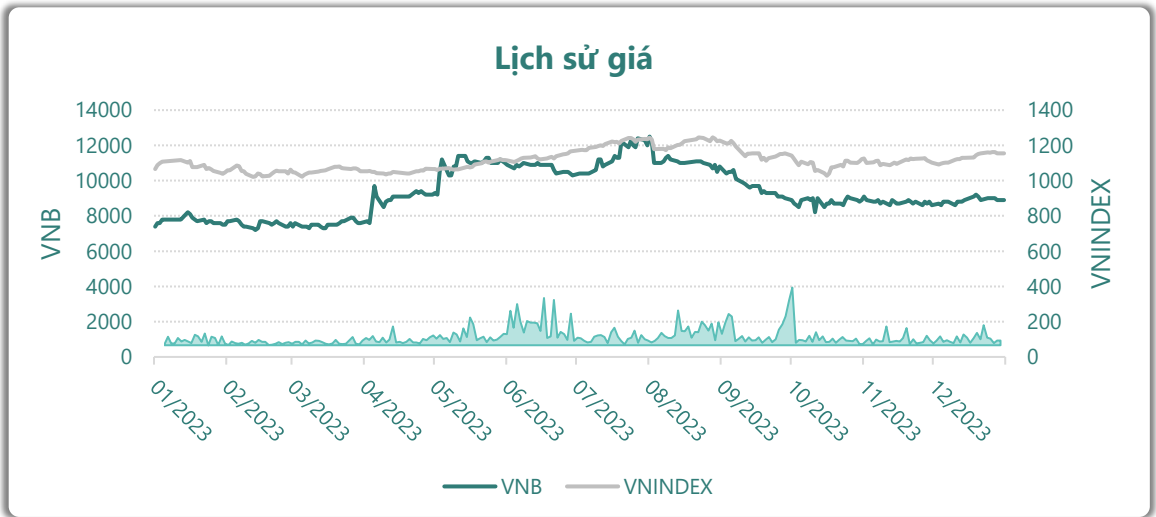
- Tập đoàn Vingroup - CTCP
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- CTCP Sách Việt Nam
- Nguyễn Trọng Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Lan Anh (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

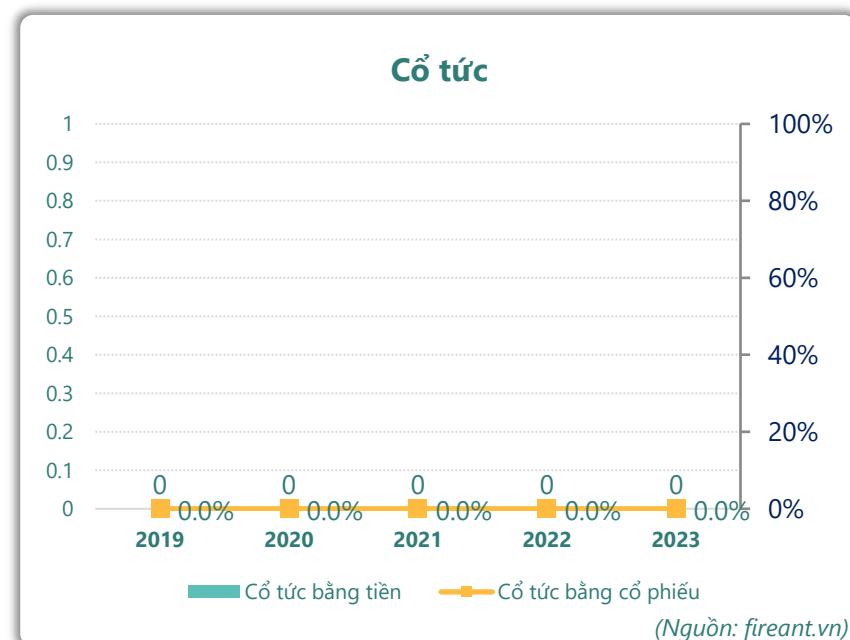
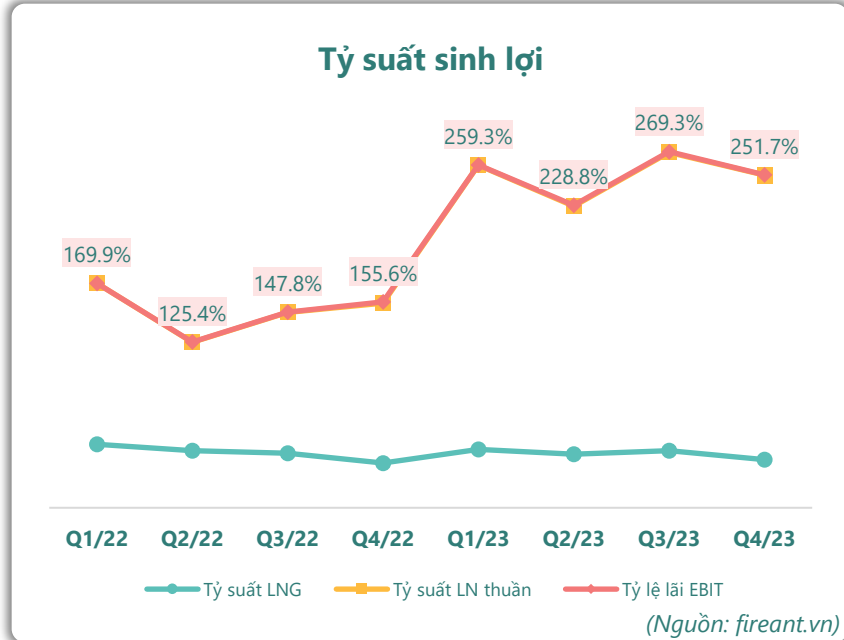
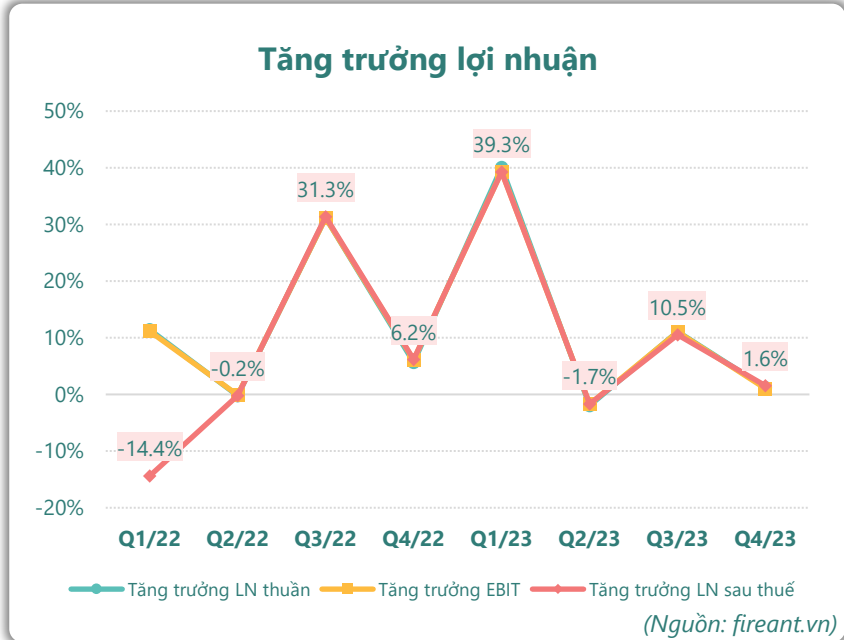
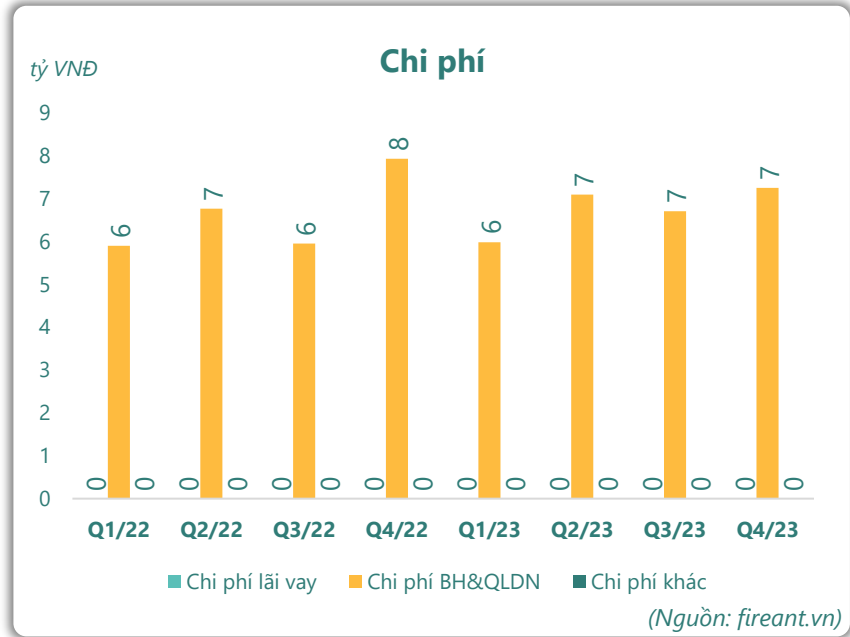
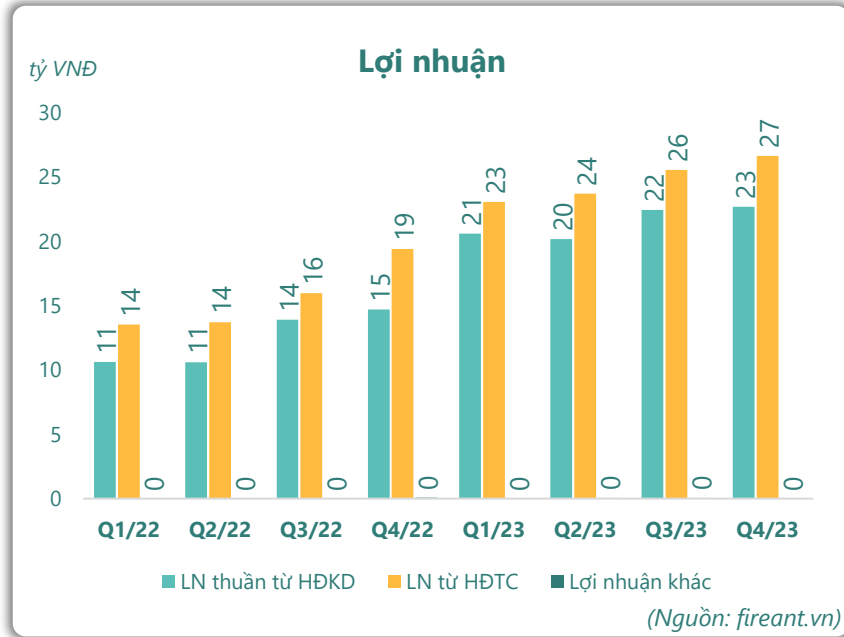
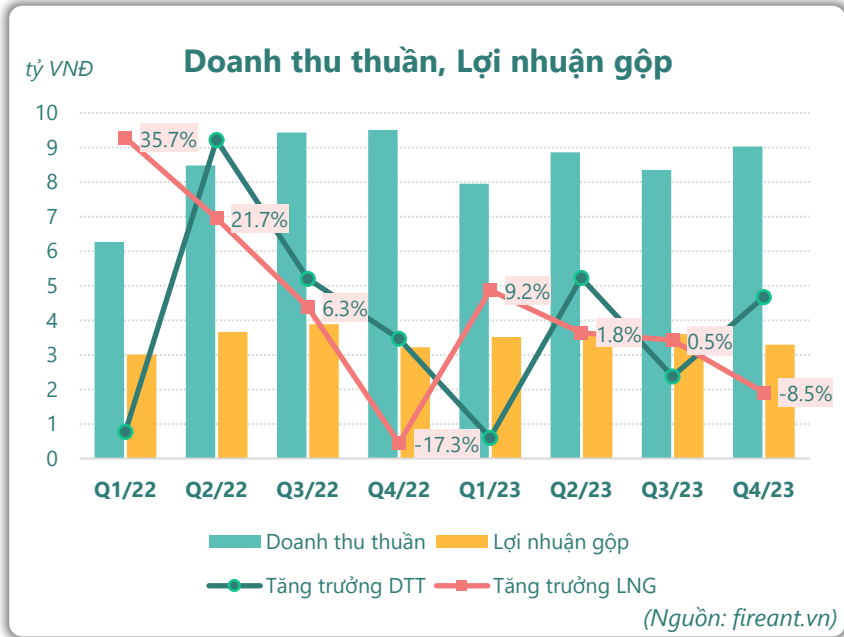
Cơ cấu sở hữu

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)



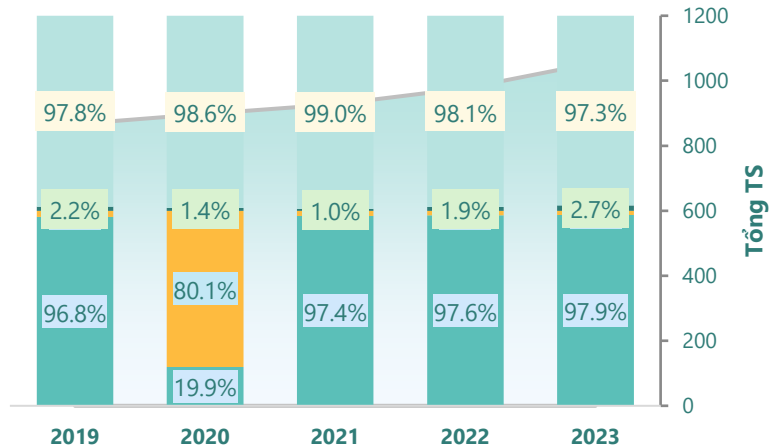
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

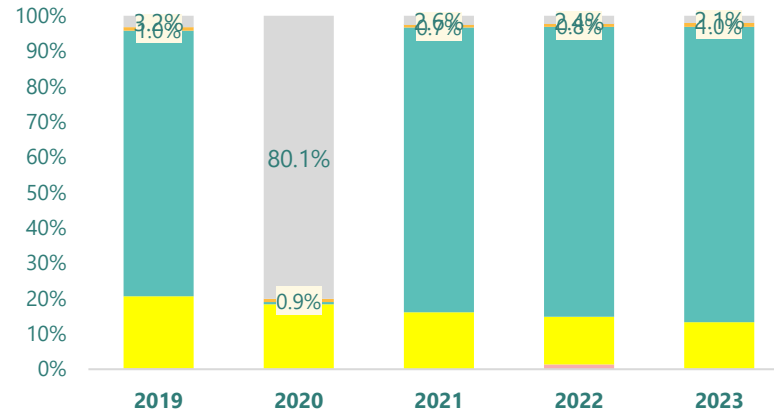
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



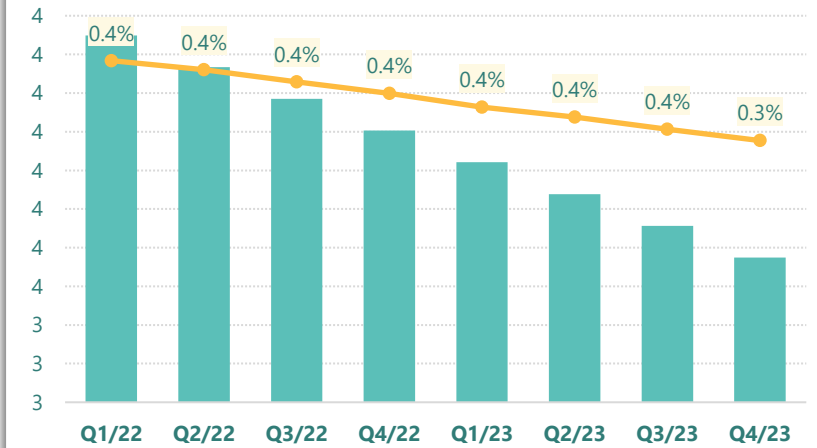
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

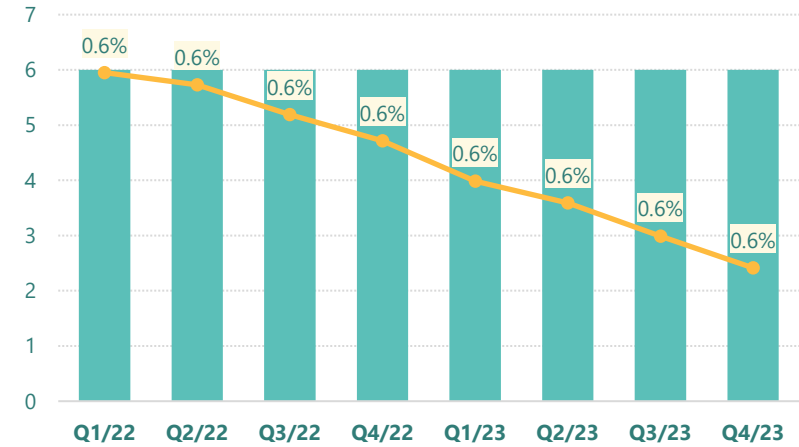


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

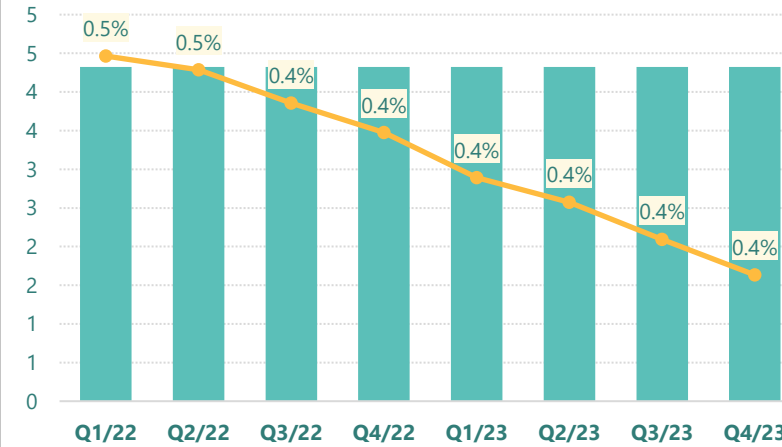


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

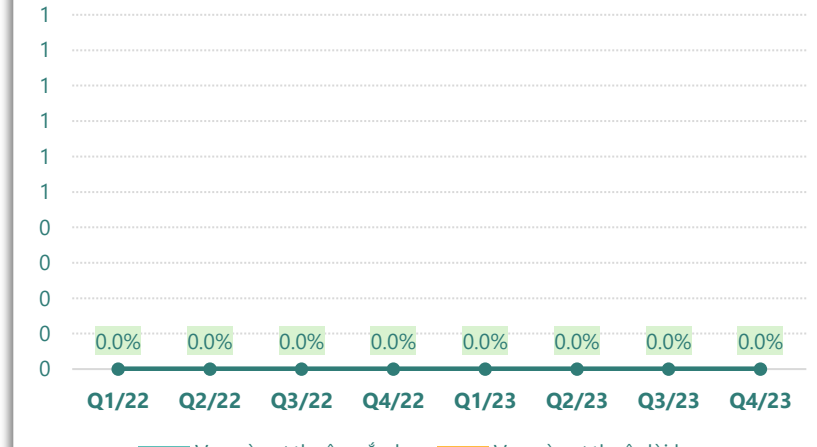


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

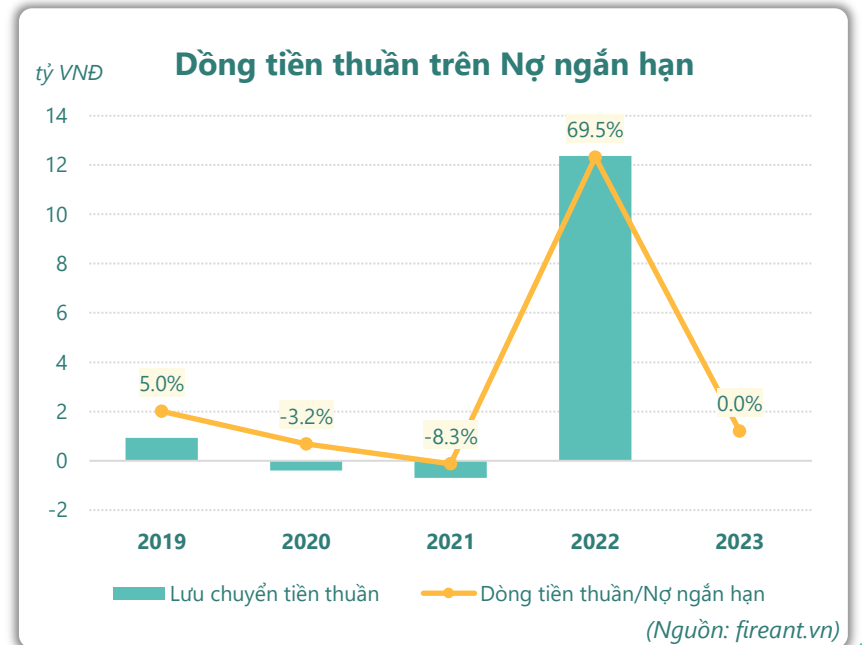
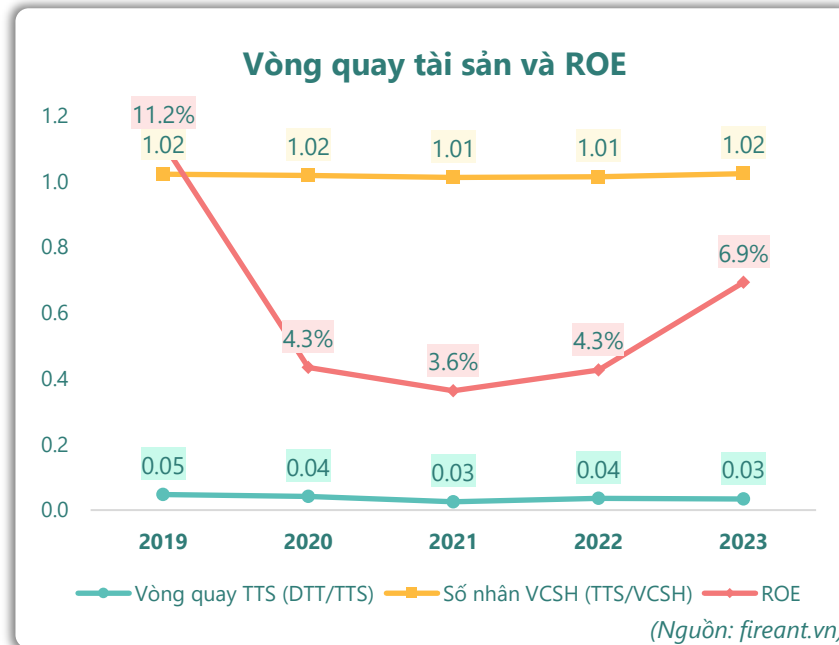
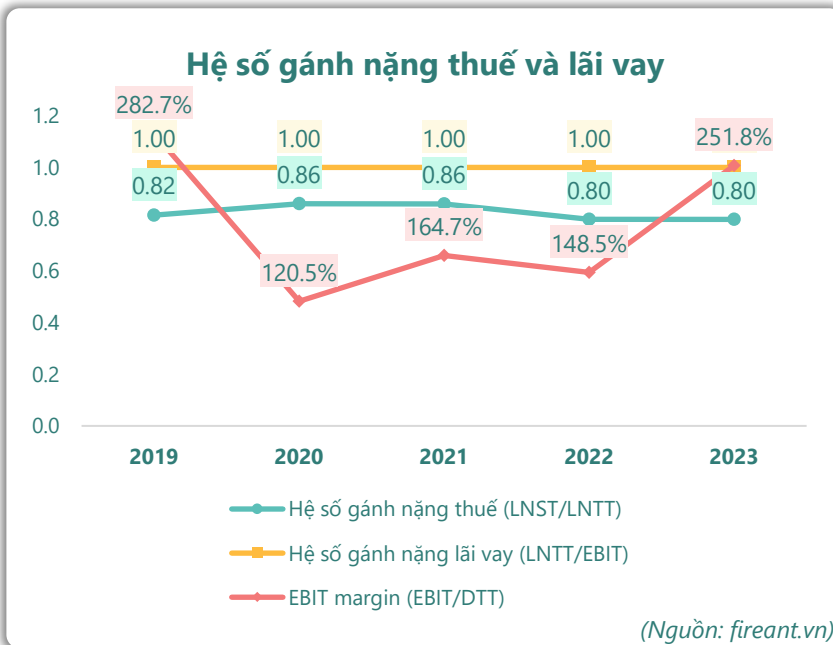
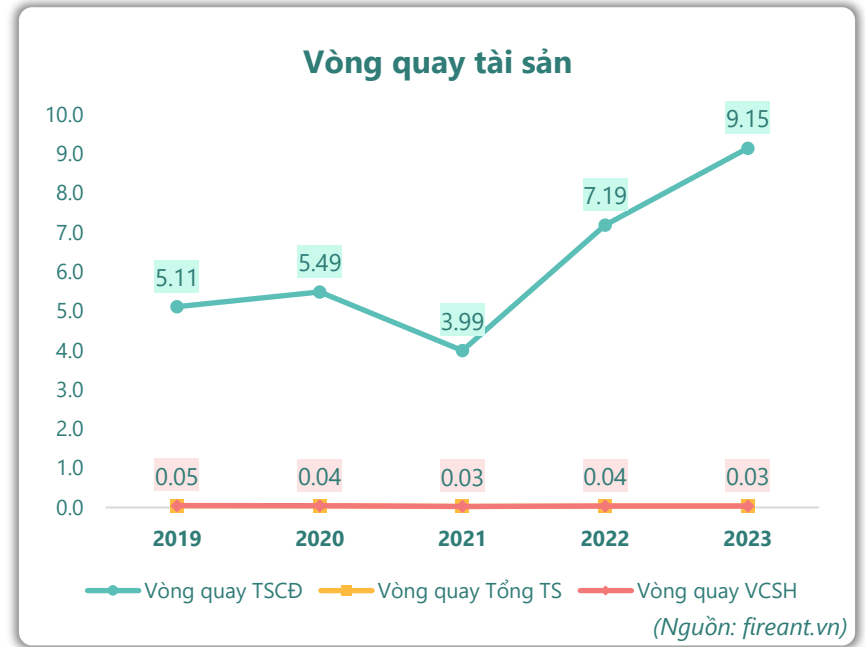
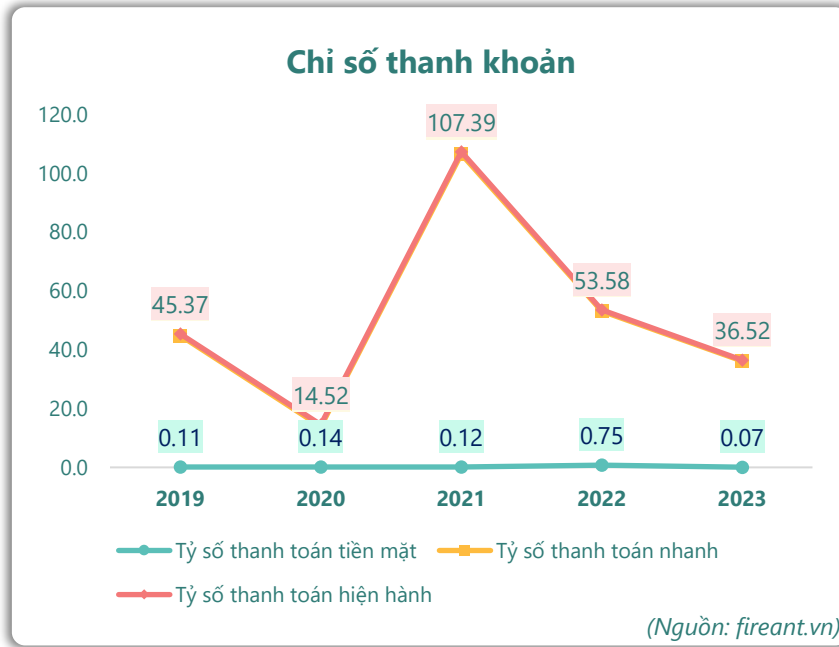
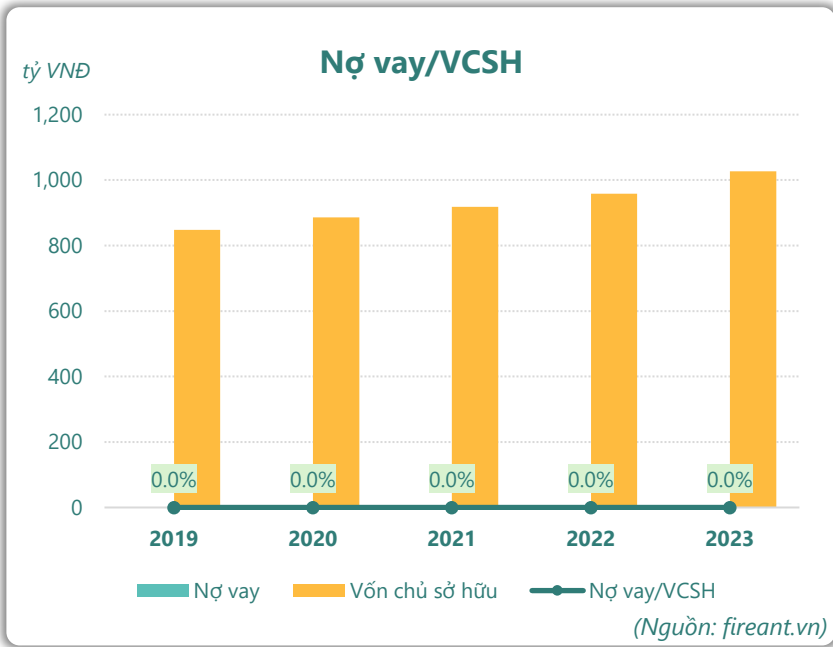


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	9.03	9.51	-5.1%	34.2	33.7	1.5%
Giá vốn hàng bán	5.74	6.29	-8.8%	20.2	19.9	1.4%
Lợi nhuận gộp	3.29	3.22	2.3%	14.0	13.8	1.5%
Doanh thu HĐTC	26.7	19.4	37.5%	99.1	62.7	58.0%
Chi phí TC	0.01	0.01	-2.0%	0.08	0.03	120%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.64	2.12	-22.6%	5.89	6.34	-7.1%
Chi phí QLDN	5.61	5.81	-3.4%	21.2	20.2	4.6%
LN thuần từ HĐKD	22.7	14.7	54.5%	86.0	49.9	72.3%
Lợi nhuận khác	0.01	0.09	-85.2%	0.14	0.13	5.1%
LN trước thuế	22.7	14.8	53.6%	86.1	50.0	72.1%
Lợi nhuận sau thuế	18.2	11.8	54.2%	68.8	40.0	72.0%
LNST của CĐ cty mẹ	18.2	11.8	54.2%	68.8	40.0	72.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.43	-3.59	-1.62	-9.60	-5.70	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.9	-9.63	1.94	1.64	3.30	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.24	26.6	13.4	13.7	5.73	0
Lưu chuyển tiền thuần	23.3	-13.2	0.33	-7.96	-2.40	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.6	13.4	13.7	5.73	3.33	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	1,056	977	8.1%
Tài sản ngắn hạn	1,034	954	8.4%
Tiền và tương đương tiền	1.88	13.4	-85.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	139	132	5.3%
Phải thu ngắn hạn	883	801	10.1%
Hàng tồn kho	10.7	7.44	43.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.03	-100%
Tài sản dài hạn	22.1	23.0	-3.8%
Phải thu dài hạn	0.14	0.14	0.0%
Tài sản cố định	3.57	3.90	-8.4%
Bất động sản đầu tư	7.64	8.32	-8.2%
Tài sản dở dang	6.00	6.00	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.32	4.32	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.47	0.32	45.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.6	18.3	56.6%
Nợ ngắn hạn	28.3	17.8	59.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.76	6.00	29.4%
Nợ dài hạn	0.32	0.48	-33.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,027	958	7.2%
Vốn chủ sở hữu	1,027	958	7.2%
Vốn điều lệ	679	679	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)